



huài sǐ

坏死

verb (medical) · necrosis, to become necrotic

Example Sentences

Yī shēng shuō tā tuǐ shàng de zǔ zhī yǐ jīng huài sǐ le
医生说他腿上的组织已经坏死了。

The doctor said the tissue on his leg has
already become necrotic.

Rú guǒ shāng kǒu gǎn rǎn yán zhòng kě néng huì dǎo zhì xì bāo huài sǐ
如果伤口感染严重，可能会导致细胞坏死。

If the wound infection is severe, it may lead to
cell necrosis.

Trace each character, then write the word on your own.

坏 坏 坏 坏 坏 坏 坏 坏 坏 坏

死 死 死 死 死 死 死 死 死